

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/02/2021  
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Dân
2. Bà Trần Thị Quế Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 253/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1988 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 09/6/2020 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Bé P trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh N kết hôn vào năm 2007, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống bên gia đình cha mẹ chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, ông N sinh ra ăn chơi, không chí thú làm ăn và có mối quan hệ bất chính với người phụ

nữ khác, không quan tâm chăm lo gia đình vợ con... một mình bà phải lo toan cuộc sống gia đình, lo cho con nên dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng, không còn tin tưởng nhau nữa, cả hai luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc, áp lực cuộc sống ngày càng đè nặng, kéo dài thời gian bà không chịu đựng được nữa. Từ tháng 6 năm 2018 bà và ông N không còn sống chung với nhau nữa, bà về nhà mẹ ruột sinh sống, ông bà đã ly thân đến nay hơn 2 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung:

Theo Đơn khởi kiện bà P trình bày giữa bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/2/2008 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 22/7/2011. Hiện cháu T và cháu K đang sống với ông N. Sau khi ly hôn nguyện vọng con sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà P thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung: Hiện cháu K đã về sống với bà nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, đồng ý giao cháu T cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – Ông Nguyễn Thanh N:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

*Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:*

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho ông Nguyễn Thanh N; Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu K và cháu T (Bản sao); Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Bé P; Tờ ghi ý kiến của cháu K.

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lời khai của ông Nguyễn Thanh N ngày 17/8/2020; Phiếu xác minh tình trạng cư trú của ông N; Tờ ghi ý kiến của cháu T; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 17/8/2020.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông N; Về con chung: Bà P được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 22/7/2011, ông N được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/2/2008, bà P và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

*1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị Bé P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông Nguyễn Thanh N có nơi cư trú tại tổ 05, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của các đương sự:* Bị đơn – Ông N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

*2.1 Về hôn nhân:* Bà P và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà P và ông N xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà P nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, ông N có mối quan

hệ bên ngoài, không quan tâm gia đình. Giữa bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Nay bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N .

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông N ngày 17/8/2020 (Bút lục 33-34), bà Nguyễn Thị S là mẹ ruột của ông N trình bày: Theo bà biết mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P và ông N là do bà P ghen ông N có quan hệ bạn bè, bồ bịch với người phụ nữ khác nên bà P đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, cả hai ly thân từ đó đến nay, bà có ý muốn hàn gắn cho con nhưng bà P không đồng ý, theo bà giữa bà P và ông N khó có khả năng đoàn tụ.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà P và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, bà P được ly hôn với ông N.

*2.2 Về con chung:* Giữa bà P và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/2/2008 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 22/7/2011. Hiện cháu T đang sống với cha bên gia đình bên nội và cháu K đang sống với bà P. Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, đồng ý giao cháu T cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng. Theo Tờ ghi ý kiến của cháu T và cháu K do các cháu tự ghi thì cháu T có nguyện vọng sống với ba là ông N và cháu K có nguyện vọng sống với mẹ là bà P sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu K cho bà P và cháu T cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà P và ông N phải tạo điều kiện cho nhau trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông N không có văn bản về yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Do đó bà P và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

*2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:* Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà P là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà P và ông N có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Bé P được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 22/7/2011.

Ông Nguyễn Thanh N được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/2/2008.

Bà P và ông N phải tạo điều kiện cho nhau trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà P và ông N không yêu cầu nên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007038 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Bé P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/02/2021).

Ông Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;  
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Trinh**